

Số: 13 /2010/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2010

**THÔNG TƯ**

**Ban hành Danh mục bổ sung thức ăn hỗn hợp  
dùng trong nuôi trồng thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 15/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/3/1996 về việc Quản lý thức ăn chăn nuôi;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục bổ sung thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam, bao gồm:

1. Sản phẩm sản xuất trong nước (254 sản phẩm);
2. Sản phẩm nhập khẩu (12 sản phẩm).

**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Nuôi trồng thủy sản, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng thức ăn dùng trong nuôi trồng thủy sản chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở NNPTNT các tỉnh TP trực thuộc TW;
- Bộ KH-CN; Bộ Công thương;
- Tổng cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Các Cục, Vụ thuộc Bộ NNPTNT;
- Lưu: VT, NTTS.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**(Đã ký)**

**Vũ Văn Tám**

**DANH MỤC BỔ SUNG THỨC ĂN HỖN HỢP DÙNG TRONG  
NUÔI TRỒNG THỦY SẢN ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 13 /2010/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 3 năm 2010  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**I. SẢN PHẨM SẢN XUẤT TRONG NƯỚC: 254 sản phẩm:**

STT	Tên sản phẩm	Số công bố	Hàm lượng (%)
<b>Công ty TNHH Grobest &amp; I – Mei Industrial (VN)</b> Địa chỉ: Số 9, Đường 3A, KCN Biên Hoà 2, Biên Hoà, Đồng Nai. Điện thoại: 0613. 993.511 – 19. Fax: 0613. 892.211 – 13.			
1	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu DANDY, mã số No. 1	TCCS: 01-GR:2010/DA	Protein: 44
2	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu DANDY, mã số No. 2		Protein: 44
3	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu DANDY, mã số No. 2L		Protein: 44
4	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu DANDY, mã số No. 3		Protein: 42
5	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu DANDY, mã số No. 4		Protein: 40
6	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu DANDY, mã số No. 5		Protein: 39
7	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu DANDY, mã số No. 6		Protein: 39
8	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu GROBEST, mã số No. 1	TCCS: 01-GR:2010/GR	Protein: 43
9	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu GROBEST, mã số No. 2		Protein: 42
10	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu GROBEST, mã số No. 2L		Protein: 42
11	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu GROBEST, mã số No. 3		Protein: 42
12	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu GROBEST, mã số No. 4		Protein: 40
13	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu GROBEST, mã số No. 5		Protein: 39
14	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu GROBEST, mã số No. 6		Protein: 38
15	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu HẢI MÃ, mã số No. 1	TCCS: 01-GR:2010/HM	Protein: 43
16	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu HẢI MÃ, mã số No. 2		Protein: 43

STT	Tên sản phẩm	Số công bố	Hàm lượng (%)
17	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu HẢI MÃ, mã số No. 2L		Protein: 43
18	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu HẢI MÃ, mã số No. 3		Protein: 42
19	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu HẢI MÃ, mã số No. 4		Protein: 40
20	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu HẢI MÃ, mã số No. 5		Protein: 39
21	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu HẢI MÃ, mã số No. 6		Protein: 39
22	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu NICE, mã số No. 1		TCCS: 01-GR:2010/NI
23	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu NICE, mã số No. 2	Protein: 40	
24	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu NICE, mã số No. 2L	Protein: 38	
25	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu NICE, mã số No. 3	Protein: 37	
26	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu NICE, mã số No. 4	Protein: 37	
27	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu NICE, mã số No. 5	Protein: 35	
28	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu NICE, mã số No. 6	Protein: 35	
29	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SEAHORSE, mã số No. 1	TCCS: 01-GR:2010/SE	Protein: 43
30	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SEAHORSE, mã số No. 2		Protein: 42
31	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SEAHORSE, mã số No. 2L		Protein: 42
32	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SEAHORSE, mã số No. 3		Protein: 42
33	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SEAHORSE, mã số No. 4		Protein: 40
34	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SEAHORSE, mã số No. 5		Protein: 39
35	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SEAHORSE, mã số No. 6		Protein: 38
36	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SMART mã số No. 1	TCCS: 01-GR:2010/SM	Protein: 40
37	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SMART, mã số No. 2		Protein: 40
38	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SMART, mã số No. 2L		Protein: 38
39	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SMART, mã số No. 3		Protein: 37
40	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SMART, mã số No. 4		Protein: 37
41	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú,		Protein: 35

STT	Tên sản phẩm	Số công bố	Hàm lượng (%)
	hiệu SMART, mã số No. 5		
42	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SMART, mã số No. 6		Protein: 35
43	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SUNNY NEW mã số No. 1	TCCS: 01-GR:2010/SU	Protein: 42
44	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SUNNY NEW, mã số No. 2		Protein: 40
45	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SUNNY NEW, mã số No. 2L		Protein: 40
46	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SUNNY NEW, mã số No. 3		Protein: 40
47	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SUNNY NEW, mã số No. 4		Protein: 39
48	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SUNNY NEW, mã số No. 5		Protein: 38
49	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SUNNY NEW, mã số No. 6		Protein: 36
50	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SUPER NICE mã số No. 1		TCCS: 01-GR:2010/SN
51	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SUPER NICE, mã số No. 2	Protein: 40	
52	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SUPER NICE, mã số No. 2L	Protein: 38	
53	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SUPER NICE, mã số No. 3	Protein: 37	
54	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SUPER NICE, mã số No. 4	Protein: 37	
55	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SUPER NICE, mã số No. 5	Protein: 35	
56	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SUPER NICE, mã số No. 6	Protein: 35	
57	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu TOPWIN mã số No. 1	TCCS: 01-GR:2010/TW	
58	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu TOPWIN, mã số No. 2		Protein: 42
59	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu TOPWIN, mã số No. 2L		Protein: 42
60	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu TOPWIN, mã số No. 3		Protein: 42
61	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu TOPWIN, mã số No. 4		Protein: 40
62	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu TOPWIN, mã số No. 5		Protein: 39
63	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu TOPWIN, mã số No. 6		Protein: 38
64	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu VISTA, mã số No. 1		TCCS: 01-GR:2010/VI
65	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu VISTA, mã số No. 2	Protein: 40	

STT	Tên sản phẩm	Số công bố	Hàm lượng (%)
66	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu VISTA, mã số No. 2L		Protein: 38
67	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu VISTA, mã số No. 3		Protein: 37
68	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu VISTA, mã số No. 4		Protein: 37
69	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu VISTA, mã số No. 5		Protein: 35
70	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu VISTA, mã số No. 6		Protein: 35
71	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu WINNER mã số No. 1		TCCS: 01-GR:2010/WI
72	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu WINNER, mã số No. 2	Protein: 40	
73	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu WINNER, mã số No. 2L	Protein: 38	
74	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu WINNER, mã số No. 3	Protein: 37	
75	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu WINNER, mã số No. 4	Protein: 37	
76	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu WINNER, mã số No. 5	Protein: 35	
77	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu WINNER, mã số No. 6		Protein: 35
78	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm càng xanh, hiệu SCAMBI mã số No. 1	TCCS: 02-GR: 2010/SC	Protein: 40
79	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm càng xanh, hiệu SCAMBI mã số No. 2		Protein: 40
80	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm càng xanh, hiệu SCAMBI mã số No. 2L		Protein: 38
81	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm càng xanh, hiệu SCAMBI mã số No. 3		Protein: 37
82	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm càng xanh, hiệu SCAMBI mã số No. 4		Protein: 37
83	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm càng xanh, hiệu SCAMBI mã số No. 5		Protein: 35
84	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm càng xanh, hiệu SCAMBI mã số No. 6		Protein: 35
85	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm giống, hiệu GROBEST GROUP, mã số No. 0	TCCS: 01-GR:2010/GG	Protein: 42
86	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu THE BEST mã số No. 4	TCCS: 01-GR:2010/BE	Protein: 45
87	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu THE BEST, mã số No. 5		Protein: 45
88	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu GROBEST TĂNG TRỌNG mã số No. 4	TCCS: 01-GR:2010/GB	Protein: 45
89	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu GROBEST TĂNG TRỌNG mã số No. 5		Protein: 45
90	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu	TCCS: 01-	Protein: 45

STT	Tên sản phẩm	Số công bố	Hàm lượng (%)
	SEAHORSE TĂNG TRỌNG mã số No. 4	GR:2010/SB	
91	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu SEAHORSE TĂNG TRỌNG mã số No. 5		Protein: 45
92	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu TOPWIN TĂNG TRỌNG mã số No. 4	TCCS: 01-GR:2010/TB	Protein: 45
93	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu TOPWIN TĂNG TRỌNG mã số No. 5		Protein: 45
94	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu VANNAMEI mã số No. 1	TCCS: 03-GR:2010/VA	Protein: 40
95	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu VANNAMEI, mã số No. 2		Protein: 40
96	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu VANNAMEI, mã số No. 2M		Protein: 40
97	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu VANNAMEI, mã số No. 2ML		Protein: 39
98	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu VANNAMEI, mã số No. 2L		Protein: 39
99	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu VANNAMEI, mã số No. 3		Protein: 39
100	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu VANNAMEI, mã số No. 4		Protein: 39
101	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu CENTER VANNAMEI, mã số No. 1		TCCS: 03-GR:2010/CE
102	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu CENTER VANNAMEI, mã số No. 2	Protein: 40	
103	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu CENTER VANNAMEI, mã số No. 2M	Protein: 40	
104	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu CENTER VANNAMEI, mã số No. 2ML	Protein: 39	
105	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu CENTER VANNAMEI, mã số No. 2L	Protein: 39	
106	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu CENTER VANNAMEI, mã số No. 3	Protein: 39	
107	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu CENTER VANNAMEI, mã số No. 4	Protein: 39	
108	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu LEADER VANNAMEI, mã số No. 1	TCCS: 03-GR:2010/LD	
109	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu LEADER VANNAMEI, mã số No. 2		Protein: 40
110	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu LEADER VANNAMEI, mã số No. 2M		Protein: 40
111	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu LEADER VANNAMEI, mã số No. 2ML		Protein: 39
112	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu LEADER VANNAMEI, mã số No. 2L		Protein: 39
113	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu LEADER VANNAMEI, mã số No. 3		Protein: 39
114	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu LEADER VANNAMEI, mã số No. 4		Protein: 39

STT	Tên sản phẩm	Số công bố	Hàm lượng (%)
115	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra và cá ba sa, hiệu GROBEST, mã số GB 642	TCCS: 04-GR:2010/GB6	Protein: 42
116	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra và cá ba sa, hiệu GROBEST, mã số GB 640		Protein: 40
117	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra và cá ba sa, hiệu GROBEST, mã số GB 635		Protein: 35
118	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra và cá ba sa, hiệu GROBEST, mã số GB 630		Protein: 30
119	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra và cá ba sa, hiệu GROBEST, mã số GB 628		Protein: 28
120	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra và cá ba sa, hiệu GROBEST, mã số GB625		Protein: 25
121	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra và cá ba sa, hiệu GROBEST, mã số GB 623		Protein: 23
122	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra và cá ba sa, hiệu GROBEST, mã số GB 620		Protein: 20
123	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra và cá ba sa, hiệu GROBEST, mã số GB 618		Protein: 18
124	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá có vây (cá Rôphi và điêu hồng), hiệu GROBEST, mã số GB 8000	TCCS: 04-GR:2010/R800	Protein: 40
125	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá có vây (cá Rôphi và điêu hồng), hiệu GROBEST, mã số R8001		Protein: 35
126	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá có vây (cá Rôphi và điêu hồng), hiệu GROBEST, mã số R8002		Protein: 30
127	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá có vây (cá Rôphi và điêu hồng), hiệu GROBEST, mã số R8003S		Protein: 27
128	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá có vây (cá Rôphi và điêu hồng), hiệu GROBEST, mã số R8003		Protein: 27
129	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá có vây (cá Rôphi và điêu hồng), hiệu GROBEST, mã số R8004		Protein: 25
130	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá có vây (cá Rôphi và điêu hồng), hiệu GROBEST, mã số R8005		Protein: 23
131	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá có vây (cá Rôphi và điêu hồng), hiệu GROBEST, mã số R8006		Protein: 20
	<b>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Sao Á</b> Địa chỉ: Lô E, đường số 2A/1 KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương. ĐT: 0650.378.2306/378.2307. Fax: 0650.378.2308.		
132	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu X-SIZE FEED, mã số 901S	TCCS 04:2009/SA	Protein: 43
133	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu X-SIZE FEED, mã số 901		Protein: 43
134	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu X-SIZE FEED, mã số 902		Protein: 43
135	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu X-SIZE FEED, mã số 903		Protein: 43
136	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu X-SIZE FEED, mã số 903P		Protein: 43
137	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu X-SIZE FEED, mã số 904S		Protein: 43

STT	Tên sản phẩm	Số công bố	Hàm lượng (%)
138	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu X-SIZE FEED, mã số 904		Protein: 43
139	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú, hiệu X-SIZE FEED, mã số 905		Protein: 43
<b>Công ty cổ phần DOMENAL</b> Địa chỉ: số 30, Lê Anh Xuân, Cao Lãnh, Đồng Tháp ĐT: 0673.876.113. Fax: 0673.890.717.			
140	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi, điều hồng, Nhân hiệu: Domenal, Mã số Vip 11	TCCS: 0091:2009/DMN	Protein: 40
141	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi, điều hồng. Nhân hiệu: Domenal, Mã số Vip 12	TCCS: 0092:2009/DMN	Protein: 35
142	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi, điều hồng. Nhân hiệu: Domenal, Mã số Vip 13	TCCS: 0093:2009/DMN	Protein: 33
143	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi, điều hồng. Nhân hiệu: Domenal, Mã số Vip 14	TCCS: 0094:2009/DMN	Protein: 31
144	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi, điều hồng. Nhân hiệu: Domenal, Mã số Vip 15	TCCS: 0095:2009/DMN	Protein: 29
145	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi, điều hồng. Nhân hiệu: Domenal, Mã số Vip 16	TCCS: 0096:2009/DMN	Protein: 27
146	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi, điều hồng. Nhân hiệu: Domenal, Mã số Vip 17	TCCS: 0097:2009/DMN	Protein: 25
147	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, basa Nhân hiệu: Domenal, Mã số Vip 1	TCCS: 0081:2009/DMN	Protein: 40
148	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, basa Nhân hiệu: Domenal, Mã số Vip 2	TCCS: 0082:2009/DMN	Protein: 35
149	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, basa Nhân hiệu: Domenal, Mã số Vip 3	TCCS: 0083:2009/DMN	Protein: 33
150	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, basa Nhân hiệu: Domenal, Mã số Vip 4	TCCS: 0084:2009/DMN	Protein: 31
151	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, basa Nhân hiệu: Domenal, Mã số Vip 5	TCCS: 0085:2009/DMN	Protein: 29
152	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, basa Nhân hiệu: Domenal, Mã số Vip 6	TCCS: 0086:2009/DMN	Protein: 27
153	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, basa Nhân hiệu: Domenal, Mã số Vip 7	TCCS: 0087:2009/DMN	Protein: 25
154	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, basa Nhân hiệu: Domenal, Mã số Vip 8	TCCS: 0088:2009/DMN	Protein: 23
155	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, basa Nhân hiệu: Domenal, Mã số Vip 9	TCCS: 0089:2009/DMN	Protein: 21
<b>Công ty TNHH MTV Chế biến thủy sản Hoàng Long</b> Địa chỉ: Nguyễn Chí Thanh, Ấp 3, Tràm Chim, Tam Nông, Đồng Tháp. ĐT: 0673.827.178. Fax: 0673.827.179.			
156	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi Nhân hiệu: Hoàng Long, Mã số: HL 801	TCCS 08:2009/HL	Protein: 40
157	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi	TCCS	Protein: 35

STT	Tên sản phẩm	Số công bố	Hàm lượng (%)
	Nhãn hiệu: Hoàng Long, Mã số: HL 802	09:2009/HL	
158	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi Nhãn hiệu: Hoàng Long, Mã số: HL 803	TCCS 10:2009/HL	Protein: 30
159	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi Nhãn hiệu: Hoàng Long, Mã số: HL 804	TCCS 11:2009/HL	Protein: 27
160	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi Nhãn hiệu: Hoàng Long, Mã số: HL 805	TCCS 12:2009/HL	Protein: 25
161	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi Nhãn hiệu: Hoàng Long, Mã số: HL 806	TCCS 13:2009/HL	Protein: 20
162	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, basa Nhãn hiệu: Hoàng Long, Mã số: HL 701	TCCS 01:2009/HL	Protein: 40
163	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, basa Nhãn hiệu: Hoàng Long, Mã số: HL 702	TCCS 02:2009/HL	Protein: 35
164	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, basa Nhãn hiệu: Hoàng Long, Mã số: HL 703	TCCS 03:2009/HL	Protein: 30
165	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, basa Nhãn hiệu: Hoàng Long, Mã số: HL 704	TCCS 04:2009/HL	Protein: 28
166	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, basa Nhãn hiệu: Hoàng Long, Mã số: HL 705	TCCS 05:2009/HL	Protein: 26
167	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, basa Nhãn hiệu: Hoàng Long, Mã số: HL 706	TCCS 06:2009/HL	Protein: 22
168	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, basa Nhãn hiệu: Hoàng Long, Mã số: HL 707	TCCS 07:2009/HL	Protein: 20
<b>Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Ngọc Long</b> Địa chỉ: Ấp Bình Thuận 2, Thuận Giao, Thuận An, Bình Dương. ĐT: 06503.717.693. Fax: 06503.717.760			
169	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá Rô phi và Diêu hồng. Nhãn hiệu: Hi-Pro, mã số: P28	TCCS: P28/NL-BD	Protein: 28
170	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá Rô phi và Diêu hồng. Nhãn hiệu: Hi-Pro, mã số: P32	TCCS: P32/NL-BD	Protein: 32
171	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá Rô phi và Diêu hồng. Nhãn hiệu: Hi-Pro, mã số: P37	TCCS: P37/NL-BD	Protein: 37
172	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá Rô phi và Diêu hồng. Nhãn hiệu: Hi-Pro, mã số: P42	TCCS: P42/NL-BD	Protein: 42
173	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá Rô phi và Diêu hồng. Nhãn hiệu: Nafa, mã số: N38	TCCS: N38/NL-BD	Protein: 38
174	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá Rô phi và Diêu hồng. Nhãn hiệu: Aquafile, mã số: 38S	TCCS: 38S/NL-BD	Protein: 38
175	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá Rô phi và Diêu hồng. Nhãn hiệu: Aquafile, mã số: 101S	TCCS: 101S/NL-BD	Protein: 40,5
176	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá Rô phi và Diêu hồng. Nhãn hiệu: Aquafile, mã số: 102S	TCCS: 102S/NL-BD	Protein: 35,5
177	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá Rô phi và Diêu hồng. Nhãn hiệu: Aquafile, mã số: 103S	TCCS: 103S/NL-BD	Protein: 30,5

STT	Tên sản phẩm	Số công bố	Hàm lượng (%)
178	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá rô phi và Diêu hồng. Nhãn hiệu: Aquafile, mã số: 104S	TCCS: 104S/NL-BD	Protein: 27,5
179	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá rô phi và Diêu hồng. Nhãn hiệu: Aquafile, mã số: 105S	TCCS: 105S/NL-BD	Protein: 25,5
180	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá rô phi và Diêu hồng. Nhãn hiệu: Aquafile, mã số: 106S	TCCS: 106S/NL-BD	Protein: 20,5
<b>Công ty TNHH HARVEST</b> Địa chỉ: Khu CN Nhơn Trạch III, Nhơn Trạch, Đồng Nai. ĐT: 0613.560.029, Fax: 0613.560.548.			
181	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá diêu hồng, cá rô phi, nhãn hiệu HARVEST No.1. Mã số: TL 820	TCCS 42:2009/HIC	Protein: 20
182	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá diêu hồng, cá rô phi, nhãn hiệu HARVEST No.1. Mã số: TL 825	TCCS 43:2009/HIC	Protein: 25
183	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá diêu hồng, cá rô phi, nhãn hiệu HARVEST No.1. Mã số: TL 827	TCCS 44:2009/HIC	Protein: 27
184	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá diêu hồng, cá rô phi, nhãn hiệu HARVEST No.1. Mã số: TL 830	TCCS 45:2009/HIC	Protein: 30
185	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá diêu hồng, cá rô phi, nhãn hiệu HARVEST No.1. Mã số: TL 835	TCCS 46:2009/HIC	Protein: 35
186	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra và cá basa, nhãn hiệu HARVEST No.1, Mã số: CF 618	TCCS 32:2009/HIC	Protein: 18
187	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra và cá basa, nhãn hiệu HARVEST No.1, Mã số: CF 622	TCCS 31:2009/HIC	Protein: 22
188	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra và cá basa, nhãn hiệu HARVEST No.1, Mã số: CF 626	TCCS 30:2009/HIC	Protein: 26
189	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra và cá basa, nhãn hiệu HARVEST No.1, Mã số: CF 630	TCCS 29:2009/HIC	Protein: 30
190	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra và cá basa, nhãn hiệu HARVEST No.1. Mã số: CF 635	TCCS 28:2009/HIC	Protein: 35
<b>Công ty TNHH Ro Minh</b> Địa chỉ: 385 Xô Viết Nghệ Tĩnh, p24, Bình Thạnh, tp Hồ Chí Minh Điện thoại: 08.2214.6666 – 08.2214.7777.			
191	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm Sú, hiệu SUPER GROWN, mã số thức ăn: No. 4	TCCS: 02- TT:2009/GRM	Protein: 45
192	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm Sú, hiệu SUPER GROWN, mã số thức ăn: No. 5		Protein: 45
<b>Chi nhánh công ty CP NTACO – Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Việt Thái</b> Địa chỉ: tổ 18, QL 91, ấp Bình An I, An Hoà, Châu Thành, An Giang			
193	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho cá tra, ba sa. Loại VT 02	TCCS 01:2009/VT09	Protein: 30
194	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho cá tra, ba sa. Loại VT 03		Protein: 28
195	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho cá tra, ba sa. Loại VT 04		Protein: 26
196	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho cá tra, ba sa. Loại VT 06		Protein: 26

STT	Tên sản phẩm	Số công bố	Hàm lượng (%)
197	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho cá tra, ba sa. Loại VT 08		Protein: 22
198	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho cá tra, ba sa. Loại VT – D2		Protein: 30
199	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho cá tra, ba sa. Loại VT – D3		Protein: 28
200	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho cá tra, ba sa. Loại VT – D4		Protein: 26
201	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho cá tra, ba sa. Loại VT – D6		Protein: 26
<b>Công ty Nông sản thực phẩm Trà Vinh</b> Địa chỉ: Ấp Vĩnh Yên, Long Đức, tx Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. ĐT: 0743.767.999 – 3846.579, Fax: 0743.846.593			
202	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra, ba sa, loại số 1, mã số VTV 140	TCCS 01:2009/CL	Protein: 40
203	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra, ba sa, loại số 2, mã số VTV 235	TCCS 02:2009/CL	Protein: 35
204	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra, ba sa, loại số 3, mã số VTV 332	TCCS 03:2009/CL	Protein: 32
205	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra, ba sa, loại số 3, mã số VTV 330	TCCS 04:2009/CL	Protein: 30
206	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra, ba sa, loại số 4, mã số VTV 428	TCCS 05:2009/CL	Protein: 28
207	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra, ba sa, loại số 4, mã số VTV 426	TCCS 06:2009/CL	Protein: 26
208	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra, ba sa, loại số 5, mã số VTV 524	TCCS 07:2009/CL	Protein: 24
209	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra, ba sa, loại số 5, mã số VTV 522	TCCS 08:2009/CL	Protein: 22
210	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra, ba sa, loại số 6, mã số VTV 620	TCCS 09:2009/CL	Protein: 20
211	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá tra, ba sa, loại số 6, mã số VTV 618	TCCS 10:2009/CL	Protein: 18
<b>Công ty TNHH Thủy sản GO MINH</b> Địa chỉ: 01 Phố Quang, Phường 2, Tân Bình, tp Hồ Chí Minh. ĐT: 083.8475666 – 777 – 888. Fax: 083.8475999			
212	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú. Hiệu Super Grown, số No.4	TCCS: 03- TT:2010/GRM	Protein: 45
213	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú. Hiệu Super Grown, số No.5	TCCS: 03- TT:2010/GRM	Protein: 45
214	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng. Hiệu Vannamei 68. Số: No.1		Protein: 40
215	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng. Hiệu Vannamei 68. Số: No.2	TCCS: 04- TT:2010/GRM	Protein: 40
216	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng. Hiệu Vannamei 68. Số: No.2M		Protein: 40

STT	Tên sản phẩm	Số công bố	Hàm lượng (%)
217	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng. Hiệu Vannamei 68. Số: No.2ML		Protein: 39
218	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng. Hiệu Vannamei 68. Số: No.2L		Protein: 39
219	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng. Hiệu Vannamei 68. Số: No.3		Protein: 39
220	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng. Hiệu Vannamei 68. Số: No.4		Protein: 39
221	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng. Hiệu: Grominh Vannamei. Số: No.1	TCCS: 05- TT:2010/GRM	Protein: 40
222	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng. Hiệu: Grominh Vannamei. Số: No.2		Protein: 40
223	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng. Hiệu: Grominh Vannamei. Số: No.2M		Protein: 40
224	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng. Hiệu: Grominh Vannamei. Số: No.2ML		Protein: 39
225	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng. Hiệu: Grominh Vannamei. Số: No.2L		Protein: 39
226	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng. Hiệu: Grominh Vannamei. Số: No.3		Protein: 39
227	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng. Hiệu: Grominh Vannamei. Số: No.4		Protein: 39
228	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú. Hiệu: Grominh. Số: No.1	TCCS: 01- TT:2010/GRM	Protein: 43
229	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú. Hiệu: Grominh. Số: No.2		Protein: 42
230	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú. Hiệu: Grominh. Số: No.2L		Protein: 42
231	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú. Hiệu: Grominh. Số: No.3		Protein: 40
232	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú. Hiệu: Grominh. Số: No.4		Protein: 39
233	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú. Hiệu: Grominh. Số: No.5		Protein: 38
234	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú. Hiệu: GROMAX. Số: No.1	TCCS: 02- TT:2010/GRM	Protein: 44
235	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú. Hiệu: GROMAX. Số: No.2		Protein: 44
236	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú. Hiệu: GROMAX. Số: No.2L		Protein: 44
237	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú. Hiệu: GROMAX. Số: No.3		Protein: 42
238	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú. Hiệu: GROMAX. Số: No.4		Protein: 40

STT	Tên sản phẩm	Số công bố	Hàm lượng (%)
239	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm sú. Hiệu: GROMAX. Số: No.5		Protein: 39
240	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm giống. Hiệu: GROMINH GROUP. Số: No.0	TCCS: 06- TG:2010/GRM	Protein: 42
<b>Công ty TNHH Uni – President Việt Nam</b> Địa chỉ: 16–18 Đường ĐT 734, KCN Sóng Thần II, Dĩ An, Bình Dương. Điện thoại: 0650790811- 6 Fax: 065079081			
241	Thức ăn cho tôm sú PL 10 - 15 Nhãn hiệu: HI-AQUA. Mã số: H680	TS-0021T/04	Protein: 44
242	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, basa Nhãn hiệu: UP. Mã số: T503	TS-0014T/02	Protein: 40
243	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, ba sa. Mã hàng hoá: T50428. Mức: 4; 5; 6; 7.	TCCS 34:2009	Protein: 28
244	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu HI-AQUA, mã số: Q190	TCCS: TCUP 35:2009/01	Protein: 40
245	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu HI-AQUA, mã số: Q191	TCCS: TCUP 35:2009/02	Protein: 40
246	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu HI-AQUA, mã số: Q192	TCCS: TCUP 35:2009/03	Protein: 40
247	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu HI-AQUA, mã số: Q193	TCCS: TCUP 35:2009/04	Protein: 40
248	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu HI-AQUA, mã số: Q194	TCCS: TCUP 35:2009/05	Protein: 39
249	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu HI-AQUA, mã số: Q195	TCCS: TCUP 35:2009/06	Protein: 39
250	Thức ăn hỗn hợp dùng cho tôm thẻ chân trắng, hiệu HI-AQUA, mã số: Q196	TCCS: TCUP 35:2009/07	Protein: 38
<b>Chi nhánh Công ty cổ phần Tô Châu – Xí nghiệp sản xuất thức ăn thủy sản Tô Châu</b> Địa chỉ: KCN Trần Quốc Toản, QL 30, khóm 4, P11, Cao Lãnh - Đồng Tháp. ĐT: 0673.707793 – 0673.893.555			
251	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá rô phi, điêu hồng. Nhãn hiệu: TÔ CHÂU, loại số 3, mã số TC 11	TCCS 11:2010/TC	Protein: 30
252	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá rô phi, điêu hồng. Nhãn hiệu: TÔ CHÂU, loại số 4, mã số TC 12	TCCS 12:2010/TC	Protein: 27
253	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá rô phi, điêu hồng. Nhãn hiệu: TÔ CHÂU, loại số 5, mã số TC 13	TCCS 13:2010/TC	Protein: 25
254	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cá rô phi, điêu hồng. Nhãn hiệu: TÔ CHÂU, loại số 6, mã số TC 14	TCCS 14:2010/TC	Protein: 20

## II. SẢN PHẨM NHẬP KHẨU: 12 sản phẩm

STT	Tên sản phẩm	Số công bố	Hàm lượng (%)
<b>Công ty TNHH TM-DV-SX Ngọc Trai</b> Địa chỉ: 197 Đường 2/4, Vĩnh Hoà, Nha Trang, Khánh Hoà ĐT: 0583.834.375, Fax: 0583.831.791			
1	Thức ăn dùng cho tôm thẻ chân trắng. Hiệu: P.VANNAMEI. Nhà sản xuất: Higashimaru Co.,Ltd Nhật Bản.	TCCS 04:2009/NT-KH	Protein: 52
2	Thức ăn dùng cho tôm thẻ chân trắng. Hiệu: VANNA GO2. Nhà sản xuất: INVE (Thailand), Ltd.	TCCS 12:2009/NT-KH	Protein: 48
3	Thức ăn dùng cho tôm thẻ chân trắng. Hiệu: VANNA GO1. Nhà sản xuất: INVE (Thailand), Ltd.	TCCS 11:2009/NT-KH	Protein: 48
4	Thức ăn dùng cho tôm thẻ chân trắng. Hiệu: VANNA STAR. Nhà sản xuất: INVE (Thailand), Ltd.	TCCS 13:2009/NT-KH	Protein: 48
<b>Nhà nhập khẩu: Công ty TNHH XNK Trường Thành</b> Địa chỉ: Khu II, Thạnh Phú, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng. Điện thoại: 0793.853.009. Fax: 0793.854.060. Nhà sản xuất: Inteq feed, Co., LTD. Bang kok Thailand.			
5	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú. Nhãn hiệu: Siamteq, mã số: 101	TCCS: 19/2010/NK.TT	Protein: 42
6	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú. Nhãn hiệu: Siamteq, mã số: 102		Protein: 42
7	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú. Nhãn hiệu: Siamteq, mã số: 103		Protein: 40
8	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú. Nhãn hiệu: Siamteq, mã số: 103S		Protein: 40
9	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú. Nhãn hiệu: Siamteq, mã số: 103P		Protein: 40
10	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú. Nhãn hiệu: Siamteq, mã số: 104S		Protein: 40
11	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú. Nhãn hiệu: Siamteq, mã số: 104		Protein: 40
12	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú. Nhãn hiệu: Siamteq, mã số: 105		Protein: 38

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**Vũ Văn Tám**